



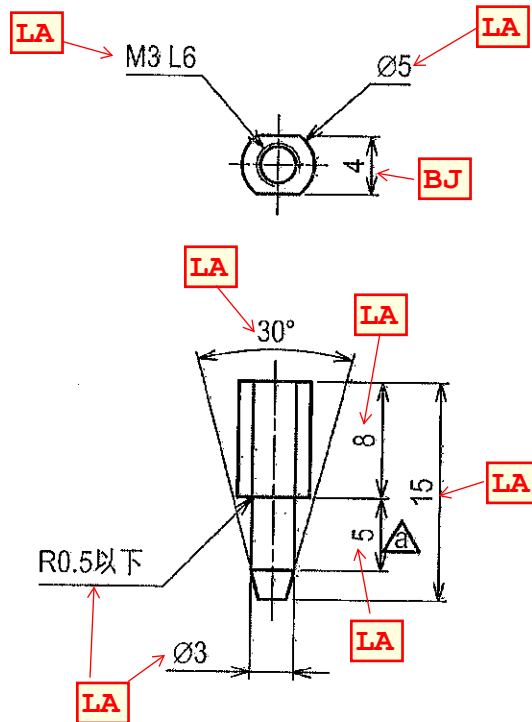
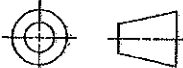


414 312 0153

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2014/09/10	新规设计	OPS-1405-008	Liu_Ke_Xin	Qin_Yi_Fan	$0.5 \leq, \leq 6$	± 0.1
	2016/08/20	寸法漏记	VDM-XLB-1607-315	Liu_Ke_Xin	Liu_Yong_An	$6 <, \leq 30$	± 0.2
						$30 <, \leq 120$	± 0.3
						$120 <, \leq 400$	± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k	
						FINISH MARKS	
							

其余C0.3



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Liu_Ke_Xin	Qin_Yi_Fan	部品図		圧入ヘッド	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PRESS-FIT HEAD	
HRC 55°~58°	SOB	部品図		壓入頭部	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
SKS3	2014/09/10	2:1		R024418	

SNO: R024418

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI

THỜI GIAN CHUẨN 1P

1.VẬT LIỆU:
SKS2
Ø5*20

LA:25
BJ:20
HT:40
AF:10
AB:10